



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

Tháng 6 năm 2022

25468
CHI
INH PH
CÔ
CH NH
KIẾ
V
YANH

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

131 Trần Hưng Đạo, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Thắng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

SỐ: 143 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 6 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Như trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính số 2, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 188.531.386.750 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 187.232.949.146 VND), khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476.849.711.281 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 475.009.183.175 VND) và đã vượt vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liệu tục có phù hợp hay không.

Như trình bày tại các Thuyết minh Báo cáo tài chính số 12, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí – 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này cùng là 5.400.000.000 VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý của khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải trả nhưng chưa đầy đủ; cụ thể giá trị chưa nhận được đối chiếu, xác nhận như sau: phải trả người bán là 14.955.521.010 VND, phải trả ngắn hạn khác là 9.665.758.646 VND, người mua trả tiền trước là 1.915.759.653 VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế đã được thực hiện, nhưng chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá về sự chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả tồn đọng lâu năm và chưa nhận được thư xác nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Lê Xuân Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Nguyễn Ngọc Thạch

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.702.489.682	41.345.046.846
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.163.904.396	97.618.640
1. Tiền	111		1.163.904.396	97.618.640
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.859.621.391	34.521.787.750
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	18.954.140.657	40.960.371.563
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.255.295.761	1.944.477.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	24.548.143.138	24.468.143.134
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(32.906.666.320)	(32.859.912.119)
5. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		8.708.155	8.708.155
III. Hàng tồn kho	140	9	1.447.922.659	1.459.458.844
1. Hàng tồn kho	141		2.288.829.278	2.300.365.463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(840.906.619)	(840.906.619)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.231.041.236	5.266.181.612
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.231.041.236	5.266.181.612
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.644.530.683	7.186.621.185
I. Tài sản cố định	220		6.644.530.683	7.186.621.185
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.543.280.683	7.085.371.185
- Nguyên giá	222		17.447.280.093	17.447.280.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.903.999.410)	(10.361.908.908)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	101.250.000	101.250.000
- Nguyên giá	228		338.318.800	338.318.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.068.800)	(237.068.800)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.400.000.000	5.400.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	12	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.347.020.365	48.531.668.031

6-002
 HÀNH
 HỒ CHỈ M
 G TY
 M HỮU
 TOÁN
 CO
 T.P. H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHAI TRẢ	300		207.233.876.432	228.577.995.992
I. Nợ ngắn hạn	310		207.233.876.432	228.577.995.992
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	16.947.226.487	38.923.583.456
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.915.759.653	1.602.479.403
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	39.143.320.842	40.607.571.422
4. Phải trả người lao động	314		546.012.126	1.167.400.556
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	86.250.015.515	83.743.919.346
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	62.431.541.809	62.533.041.809
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(181.886.856.067)	(180.046.327.961)
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	(181.886.856.067)	(180.046.327.961)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(476.849.711.281)	(475.009.183.175)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(475.009.183.175)	(477.025.528.016)
- LNST chưa PP năm nay	421b		(1.840.528.106)	2.016.344.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.347.020.365	48.531.668.031



Nguyễn Văn Thăng
 Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
 Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	5.495.085.443	11.865.419.744
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	20	5.495.085.443	11.865.419.744
3. Giá vốn hàng bán	11	21	5.495.084.628	15.826.209.460
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		815	(3.960.789.716)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15.916.863	499.674
6. Chi phí tài chính	22	23	-	(9.249.067.259)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	(9.249.067.259)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	1.610.755.467	2.087.890.491
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		(1.594.837.789)	3.200.886.726
9. Thu nhập khác	31		9.000	428.934.408
10. Chi phí khác	32	25	245.699.317	1.613.476.293
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(245.690.317)	(1.184.541.885)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.840.528.106)	2.016.344.841
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(1.840.528.106)	2.016.344.841
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(66)	72



Nguyễn Văn Thăng
 Giám đốc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
 Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.840.528.106)	2.016.344.841
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	542.090.502	560.104.478
- Các khoản dự phòng	03	46.754.201	481.244.618
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.916.863)	(499.674)
- Chi phí lãi vay	06	-	(9.249.067.259)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.267.600.266)	(6.191.872.996)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	23.650.552.534	33.738.959.452
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	11.536.185	14.388.381.049
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.344.119.560)	(30.134.744.794)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(11.168.926.544)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.050.368.893	631.836.167
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.916.863	499.674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.916.863	499.674
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(795.030.318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(795.030.318)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	1.066.285.756	(162.694.477)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	97.618.640	260.313.117
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	1.163.904.396	97.618.640



Nguyễn Văn Thăng
Giám đốc
Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 2000492299 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 280.689.000.000 VND chia thành 28.068.900 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 03 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 03 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị.
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: Khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công-lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; tư vấn về đấu thầu; giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chia khoán trao tay.
- Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản, gồm: Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch.
- Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hoá dầu, phân bón hoá chất. Tàng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hoá lỏng và các sản phẩm dầu khí.
- Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí.
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, lắp đặt các hệ thống ống dẫn khí, đường dây tải điện.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí, điện, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng.
- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của công ty.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, tư vấn, thiết kế và thi công công trình dầu khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

356-
NHÂN
Ổ HỒ C
NG T
NIỆM H
V TOA
ACI
- T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng nợ phải trả ngắn hạn đang lớn hơn tài sản ngắn hạn là 188.531.386.750 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 187.232.949.146 VND); khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 476.849.711.281 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 475.009.183.175 VND) và đã vượt vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố nêu trên ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Tuy nhiên, Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Công ty tiếp tục hoạt động ít nhất trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính này và nên quyết định lập báo cáo tài chính này của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

02-C.
H
HÍ MINH
Y
IỮ H
IN
O
HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- *Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.*
- *Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	04 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất tại Đường số 06, khu Công Nông II, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau với diện tích đất xây dựng là 67,5 m². Quyền sử dụng đất được UBND tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng lâu dài, do đó Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

1856-0
NHÂN
HỒ SƠ C
ÔNG TY
HIỆM H
M TOÁ
AC
- T. P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào Chi phí tài chính trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22-C...
H
HÍ MINH
TU HA
N
HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc	Thành viên chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.013.017	113.017
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.145.891.379	97.505.623
Cộng	1.163.904.396	97.618.640

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm 22,8 triệu VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.767.260.868	32.795.570.753
Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.889.888.017	1.889.888.017
Ban điều hành dự án Ban phía Nam	11.877.372.851	6.393.824.408
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	24.511.858.328
b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.186.879.789	8.164.800.810
Chi cục thi hành án dân sự TP Bạc Liêu (i)	-	2.977.921.021
Các đối tượng khác	5.186.879.789	5.186.879.789
Cộng	18.954.140.657	40.960.371.563

(i) Theo Công văn số 428/PĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 7 năm 2019, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu tạm giữ lại số tiền 14,9 tỷ VND để thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng tài sản trong việc phát mãi tài sản là khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu để thanh toán nợ vay. Đồng thời, theo Công văn số 61/CCTHADS-NV ngày 23 tháng 02 năm 2022, số tiền 14,6 tỷ VND còn lại đã được Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu chuyển cho Ngân hàng TMHH MTV Đại Dương sau khi thực hiện trừ án phí 277 triệu VND do Công ty chịu. Ngày 08 tháng 8 năm 2021, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu đã chuyển bổ sung cho Ngân hàng TMHH MTV Đại Dương số tiền 2,72 tỷ VND, Công ty đã thực hiện cản trừ khoản trên cùng phần giá trị 255,4 triệu VND là phí thi hành án dân sự của Ngân hàng TMHH MTV Đại Dương với khoản trích trước chi phí lãi vay (xem thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Lưu Ngô Gia	695.838.152	695.838.152
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện Tấn Thành	268.311.081	268.311.081
Công ty TNHH TM DV Xây dựng MQC	-	484.855.215
Công ty CP XD TV TM Huỳnh Nguyễn Phùng	-	206.014.191
Các đối tượng khác	291.146.528	289.458.378
Cộng	<u>1.255.295.761</u>	<u>1.944.477.017</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	545.485.022	465.485.022
Phải thu các đội xây dựng (i)	16.819.381.673	16.819.381.673
Quỹ khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	4.917.824.644
Phải thu khác	2.265.451.799	2.265.451.795
Cộng	<u>24.548.143.138</u>	<u>24.468.143.134</u>

- (i) Đây là số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội xây dựng khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.

2546
CHI
NH P
C
CH N
KI
V
/AM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
a) Phải thu khách hàng	8.851.865.791	1.677.346.521	7.174.519.270	8.851.865.791	1.719.504.597	7.132.361.194
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Bên liên quan	1.889.888.017	-	1.889.888.017	1.889.888.017	-	1.889.888.017
Ban điều hành dự án Ban phía Nam	1.775.097.985	1.677.346.521	97.751.464	1.775.097.985	1.706.671.961	68.426.024
Các đối tượng khác	5.186.879.789	-	5.186.879.789	5.186.879.789	12.832.636	5.174.047.153
b) Trả trước cho người bán	1.255.295.761	-	1.255.295.761	1.255.295.761	3.600.000	1.251.695.761
Các đối tượng khác	1.255.295.761	-	1.255.295.761	1.255.295.761	3.600.000	1.251.695.761
c) Phải thu khác	24.468.143.134	-	24.468.143.134	24.468.143.134	996.125	24.467.147.009
Quỹ khen thưởng phúc lợi (TK 138)	4.917.824.644	-	4.917.824.644	4.917.824.644	-	4.917.824.644
Đội xây dựng số 5	11.854.459.111	-	11.854.459.111	11.854.459.111	-	11.854.459.111
Đội xây dựng số 9	3.456.405.055	-	3.456.405.055	3.456.405.055	-	3.456.405.055
Đội xây dựng số 10	1.508.517.507	-	1.508.517.507	1.508.517.507	-	1.508.517.507
Các đối tượng khác	2.730.936.817	-	2.730.936.817	2.730.936.817	996.125	2.729.940.692
d) Tài sản thiếu chờ xử lý	8.708.155	-	8.708.155	8.708.155	-	8.708.155
Các đối tượng khác	8.708.155	-	8.708.155	8.708.155	-	8.708.155
Tổng cộng	34.584.012.841	1.677.346.521	32.906.666.320	34.584.012.841	1.724.100.722	32.859.912.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.288.829.278	840.906.619	2.288.829.278	840.906.619
Công cụ, dụng cụ	-	-	11.536.185	-
Cộng	2.288.829.278	840.906.619	2.300.365.463	840.906.619

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.262.588.220	344.488.432	2.974.102.963	866.100.478	17.447.280.093
Số dư cuối năm	13.262.588.220	344.488.432	2.974.102.963	866.100.478	17.447.280.093
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	6.208.816.711	344.488.432	2.942.503.287	866.100.478	10.361.908.908
- Khấu hao trong năm	510.490.826	-	31.599.676	-	542.090.502
Số dư cuối năm	6.719.307.537	344.488.432	2.974.102.963	866.100.478	10.903.999.410
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	7.053.771.509	-	31.599.676	-	7.085.371.185
Tại ngày cuối năm	6.543.280.683	-	-	-	6.543.280.683

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.822.742.124 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 4.546.963.033 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
Số dư cuối năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	237.068.800	237.068.800
Số dư cuối năm	-	237.068.800	237.068.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	-	101.250.000
Tại ngày cuối năm	101.250.000	-	101.250.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 237.068.800 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 237.068.800 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	5.400.000.000	(*)	(5.400.000.000)	5.400.000.000	(*)	(5.400.000.000)
Cộng	5.400.000.000	-	(5.400.000.000)	5.400.000.000	-	(5.400.000.000)

Công ty mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí – 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011. Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 3C. Tuy nhiên, Giám đốc đã thận trọng và quyết định dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư do đánh giá không có khả năng thu hồi.

- (*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Bên liên quan				
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - bên liên quan	738.172.700	738.172.700	738.172.700	738.172.700
b) Người bán là đối tượng khác				
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	-	-	4.222.739.802	4.222.739.802
Công ty TNHH Hiệp Thành	3.362.677.118	3.362.677.118	3.232.343.811	3.232.343.811
Các đối tượng khác	12.846.376.669	12.846.376.669	30.730.327.143	30.730.327.143
Cộng	16.947.226.487	16.947.226.487	38.923.583.456	38.923.583.456

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 - bên liên quan	1.000.899.140	1.000.899.140
Tổng Công ty CP XLĐK Việt Nam (PVC) - bên liên quan	313.280.250	-
Các đối tượng khác	601.580.263	601.580.263
Cộng	1.915.759.653	1.602.479.403

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	13.516.033.905	940.473.922	940.473.922	13.516.033.905
Thuế thu nhập cá nhân	2.205.006.220	9.430.845	22.585.595	2.191.851.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.625.299	-	-	1.246.625.299
Các loại thuế khác	23.639.905.998	247.930.570	1.699.026.400	22.188.810.168
Cộng	40.607.571.422	1.197.835.337	2.662.085.917	39.143.320.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả (*)	76.990.095.059	79.967.547.333
Trích trước chi phí công trình	9.196.284.093	3.712.735.650
Chi phí phải trả khác	63.636.363	63.636.363
Cộng	<u>86.250.015.515</u>	<u>83.743.919.346</u>

- (*) Đây là các khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau. Ngày 08 tháng 8 năm 2021, Công ty đã bù trừ với khoản phải thu của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu (xem thuyết minh số 05) căn cứ theo thông báo chuyển tiền từ Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu đến Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau với số tiền là 2,72 tỷ VND và phân phí thi hành án dân sự 255,4 triệu VND mà Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Cà Mau phải chịu.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	<u>61.463.469.789</u>	<u>61.463.469.789</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban QLDA cụm Khí-Điện - Đạm Cà Mau (ii)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	2.765.783.163	2.765.783.163
b) Phải trả ngắn hạn khác	<u>968.072.020</u>	<u>1.069.572.020</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	429.013.952	429.013.952
Các đối tượng khác	539.058.068	640.558.068
Cộng	<u>62.431.541.809</u>	<u>62.533.041.809</u>

- (i) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán khoản công nợ này.
- (ii) Đây là chênh lệch giữa giá trị Công ty nhận ứng trước để thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau và giá trị sau quyết toán.
- (iii) Đây là khoản phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí -3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.

254689
CHI N
NH PHỐ
CỒN
CH NH
KIỂM
VA
YANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(477.025.528.016)	(182.062.672.802)
Lãi trong năm	-	-	-	2.016.344.841	2.016.344.841
Số dư đầu năm nay	<u>280.689.000.000</u>	<u>6.126.552.489</u>	<u>8.147.302.725</u>	<u>(475.009.183.175)</u>	<u>(180.046.327.961)</u>
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.840.528.106)	(1.840.528.106)
Số dư cuối năm nay	<u>280.689.000.000</u>	<u>6.126.552.489</u>	<u>8.147.302.725</u>	<u>(476.849.711.281)</u>	<u>(181.886.856.067)</u>

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.068.900	28.068.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.068.900	28.068.900
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.068.900	28.068.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2000492299 thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Nhà đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
Cộng	<u>280.689.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>280.689.000.000</u>	<u>100%</u>

19. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động cung cấp dịch vụ xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là dịch vụ xây lắp chuyên ngành công nghiệp dầu khí nằm trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

20. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	5.483.548.443	11.865.419.744
Doanh thu khác	11.537.000	-
Cộng	<u>5.495.085.443</u>	<u>11.865.419.744</u>

Trong đó doanh thu đối với bên liên quan là

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	5.483.548.443	9.393.202.223
Ban điều hành dự án Ban phía Nam	-	2.438.308.430

16-002-
HÀNH
HỒ CHÍ M
IG TY
M HỮU
TOÁN
CO
- T.P H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.483.548.443	15.826.209.460
Giá vốn khác	11.536.185	-
Cộng	<u>5.495.084.628</u>	<u>15.826.209.460</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	786.196.160	787.436.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.090.502	544.963.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.232.856	1.451.371.548
Chi phí khác	275.235.949	260.702.896
Cộng	<u>1.610.755.467</u>	<u>3.044.474.284</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	(9.249.067.259)
Cộng	<u>-</u>	<u>(9.249.067.259)</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	786.196.160	787.436.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	542.090.502	544.963.200
Chi phí dự phòng	46.754.201	481.244.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.232.856	13.543.137
Các khoản chi phí bằng tiền khác	228.481.748	260.702.896
Cộng	<u>1.610.755.467</u>	<u>2.087.890.491</u>

25. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	244.930.570	737.268.075
Các khoản khác	768.747	876.208.218
Cộng	<u>245.699.317</u>	<u>1.613.476.293</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.840.528.106)	2.016.344.841
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	126.500.000,0	1.661.680.156
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>126.500.000</i>	<i>1.661.680.156</i>
Thu nhập chịu thuế	(1.714.028.106)	3.678.024.997
Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.678.024.997)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến khoản lỗ còn được chuyển do khả năng có lãi trong tương lai là chưa chắc chắn.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.840.528.106)	2.016.344.841
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	28.068.900	28.068.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(66)	72

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.163.904.396)	(97.618.640)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	(181.886.856.067)	(180.046.327.961)
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.163.904.396	1.163.904.396	97.618.640	97.618.640
Phải thu khách hàng	11.779.621.387	11.779.621.387	33.828.010.369	33.828.010.369
Phải thu khác	80.000.004	80.000.004	996.125	996.125
Tổng cộng	13.023.525.787	13.023.525.787	33.926.625.134	33.926.625.134
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	16.947.226.487	16.947.226.487	38.923.583.456	38.923.583.456
Chi phí phải trả	86.250.015.515	86.250.015.515	83.743.919.346	83.743.919.346
Phải trả khác	62.431.541.809	62.431.541.809	62.533.041.809	62.533.041.809
Tổng cộng	165.628.783.811	165.628.783.811	185.200.544.611	185.200.544.611

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

J25461
CHI
LÀNH PH
CỔ
TCH NI
KIẾ
V
THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cô đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Số cuối năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.163.904.396	1.163.904.396
Phải thu khách hàng	11.779.621.387	11.779.621.387
Phải thu khác	80.000.004	80.000.004
Tổng cộng	13.023.525.787	13.023.525.787
Số cuối năm		
Phải trả người bán	16.947.226.487	16.947.226.487
Chi phí phải trả	86.250.015.515	86.250.015.515
Phải trả khác	62.431.541.809	62.431.541.809
Tổng cộng	165.628.783.811	165.628.783.811
Chênh lệch thanh khoản thuần	(152.605.258.024)	(152.605.258.024)
Số đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.618.640	97.618.640
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.828.010.369	33.828.010.369
Đầu tư tài chính ngắn hạn	996.125	996.125
Tổng cộng	33.926.625.134	33.926.625.134
Số đầu năm		
Phải trả người bán	38.923.583.456	38.923.583.456
Chi phí phải trả	83.743.919.346	83.743.919.346
Phải trả khác	62.533.041.809	62.533.041.809
Tổng cộng	185.200.544.611	185.200.544.611
Chênh lệch thanh khoản thuần	(151.273.919.477)	(151.273.919.477)

Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 05, 08, 13, 14, 17, 18 và 20; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Giám đốc trong năm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Nguyễn Thị Mỹ Linh (miễn nhiệm ngày 03/12/2021)	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	238.800.000	238.800.000
Võ Văn Hạn (miễn nhiệm ngày 30/12/2021)	Thành viên HĐQT	204.648.000	204.648.000
Trần Quốc Huy (miễn nhiệm ngày 30/12/2021)	Thành viên HĐQT	204.648.000	204.648.000
Nguyễn Văn Ánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.010.000
Phí Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.010.000
Cộng		696.096.000	696.116.000



Nguyễn Văn Thăng
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Trần Thị Như Quỳnh
Phụ trách kế toán/ Người lập biểu

